| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NH**<br>**TỈNH N** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 29/2023/HNGĐ - ST<br>Ngày 14/7/2023.<br>(*V/v:ly hôn, tranh chấp nuôi con*) | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** ông Nguyễn Hữu Quốc.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Nguyễn Văn Phiếu, ông Hà Quang Văn.

***Thư ký phiên toà:*** ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nh, tỉnh N.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2023/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* anh Phạm Hải C, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện Nh, tỉnh N.

Bị đơn: chị Trịnh Mai U, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện Nh, tỉnh N.

Anh C và chị U vắng mặt và đều có đơn xin xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Hải C trình bày: tôi và chị Trịnh Mai U được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sơn Hà, huyện Nh vào ngày 22/6/2009. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn Đồng Tâm 2, xã Sơn Hà, huyện Nh. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 5 năm, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề của cuộc sống. Đến năm 2015 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nh giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Trịnh Mai U.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, con lớn là cháu Phạm Phương M sinh ngày 16/6/2011; con nhỏ là cháu Phạm Như Ng sinh ngày 26/10/2015. Khi ly hôn tôi đề nghị tôi trực tiếp nuôi cháu Phạm Phương M, còn cháu Phạm Như Ng đề nghị giao cho chị Trịnh Mai U nuôi, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2023 chị Trịnh Mai U trình bày: tôi và anh được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Sơn Hà, huyện Nh đúng như anh C đã trình bày nêu trên. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn Đồng Tâm 2, xã Sơn Hà, huyện Nh. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, đánh nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Đến năm 2015 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị U thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đồng ý ly hôn với anh C. Sau đó khi Tòa án gửi thông bào về phiên hòa giải, chị U đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: chị Trịnh Mai U cũng khai: chúng tôi có 02 con chung, con lớn là cháu Phạm Phương M sinh ngày 16/6/2011; con nhỏ là cháu Phạm Như Ng sinh ngày 26/10/2015. Khi ly hôn tôi đề nghị tôi trực tiếp nuôi cháu Phạm Như Ng, còn cháu Phạm Phương M đề nghị giao cho anh Phạm Hải C nuôi, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Về tài sản và công nợ chung: tôi không không đề nghị Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]Về thủ tục tố tụng**: Bị đơn chị Trịnh Mai U có địa chỉ tại thôn Đ, xã S, huyện Nh, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện Nh áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Hôn nhân giữa anh Phạm Hải C và chị Trịnh Mai U là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn Đ, xã

S, huyện Nh, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong thời gian được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, đánh nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Đến năm 2015 vợ chồng lại có va chạm mâu thuẫn nặng nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Bản thân chị U chỉ lên Tòa án làm việc một lần, có bản khai thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nặng, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay và thể hiện rõ quan điểm đồng ý ly hôn với anh C. Sau đó dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng lại không lên Tòa án tham gia phiên hòa giải, có đơn gửi Tòa án đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều đó chứng tỏ chị U không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Hải C và chị Trịnh Mai U đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Hải C, xử cho anh Phạm Hải C được ly hôn với chị Trịnh Mai U là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Phạm Hải C và chị Trịnh Mai U có 02 con chung, con lớn là cháu Phạm Phương M sinh ngày 16/6/2011; con nhỏ là cháu Phạm Như Ng sinh ngày 26/10/2015. Xét cả anh C và chị U đều là những người khỏe mạnh, là lao động tự do có thu nhập trung bình trên địa bàn xã S là 53.000.000 đồng/người/năm nên đều có đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn cả anh C và chị U cùng có quan điểm đề nghị giao cho chị U được trực tiếp nuôi cháu Phạm Như Ng, còn cháu Phạm Phương M đề nghị giao cho anh Phạm Hải C nuôi, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự đều không yêu cầu nên không buộc hai bên phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh C và chị U không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Hải C phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, các khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Phạm Hải C được ly hôn với chị Trịnh Mai U.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Phương M sinh ngày 16/6/2011 cho anh Phạm Hải C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án

có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Phương M đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Như Ng sinh ngày 26/10/2015 cho chị Trịnh Mai U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phạm Như Ng đủ 18 tuổi. Anh Phạm Hải C và chị Trịnh Mai U không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: anh Phạm Hải C phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện Nh theo biên lai số AA/2021/0003892, ngày 04/5/2023.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện Nh;
- Chi cục THADS Nh;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**Nguyễn Hữu Quốc**